**PHỤ LỤC 5: CÁC TUYẾN RÀ SOÁT LOẠI BỎ KHỎI PHỤ LỤC 5 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1725/QĐ-BGTVT, 667/QĐ-BGTVT, 1888/QĐ-BGTVT, 317/QĐ-BGTVT, 2318/QĐ-BGTVT, 189/QĐ-BGTVT, 2548/QĐ-BGTVT, 135/QĐ - BGTVT, PHỤ LỤC 2A VÀ 2B TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2288/QĐ - BGTVT**

*(Gửi kèm theo Quyết định số 542/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2020 của Bộ Giao thông vận tải)*

| **TT toàn quốc** | **Mã tuyến** | **Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh** | | | | **Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)** | **Cự ly tuyến (km)** | **Lưu lượng QH (xe xuất bến/ tháng) 2015-2020** | **Phân loại tuyến QH** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh nơi đi/đến** | **Tỉnh nơi đi/đến** | **BX nơi đi/đến** | **BX nơi đi/đến** |
| 1647 | 2729.1115.A | Điện Biên | Hà Nội | Điện Biên Phủ | Nước Ngầm | BX.Tp. Điện Biên Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hoà Bình - QL6 - Hà Đông Văn Điển - Đường Giải Phóng - BX Nước Ngầm | 500 | 120 | Tuyến mới | VB 11430/BGTVT-VT ngày 29/11/2019 của Bộ GTVT |

***Ghi chú:*** Quy định viết tắt các cụm từ trong Phụ lục này như sau: Bến xe: BX; thành phố: TP; Quốc lộ: QL; X.: xã; thị trấn: TT; các ký hiệu , <B>, … <Đ> phân biệt các tuyến theo hành trình khác nhau; các ký hiệu <A1>, <A2> phân biệt các hành trình khác nhau trong cùng một tuyến có chung Bến xe nơi đi và Bến xe nơi đến; các ký hiệu <E>, <F>: phân biệt các tuyến khác nhau đi theo đường cao tốc; lưu lượng quy hoạch (xe xuất bến/tháng) được tính với tổng số chuyến xe/tháng/1 đầu bến.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | |
| **Đỗ Quốc Phong – CVC. Vụ Vận tải – Bộ GTVT** | **Nguyễn Huyền Trang – CV. Vụ Vận tải TCĐBVN** |